TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2019
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Kim Tiến
2. Ông Huỳnh Văn Lẽ

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 289/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXX- ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1977 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án ông Huỳnh Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phan Thị Thanh Th có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 01 năm và tiến đến hôn nhân vào năm 1997, hai người có đến Ủy ban nhân dân xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 17/11/2011. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã do bà Th chi tiêu tiền bạc trong gia đình không hợp lý. Cụ thể cách nay khoảng 02 tháng sau khi bán đất được 2.000.000.000 đồng vợ chồng trả nợ hết 200.000.000 đồng. Ông mua chiếc xe hết 1.200.000.000 đồng, bà Th giữ 600.000.000 đồng làm vốn kinh doanh sinh sống. Nhưng do xe biển số xấu bà Thảo mang xe đến xưởng bán lại

mua xe khác đến ngày lấy xe ông kêu bà Th đưa tiền ông lấy xe bà Th không đưa mà còn mượn thêm xưởng xe 100.000.000 đồng tiêu xài không thông qua ý kiến ông. Từ lý do này mà vợ chồng phát sinh mâu thẫu trầm trọng ông đánh đuổi bà Th đi hơn một tháng nay. Ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà Thảo và ông kiên quyết xin được ly hôn với bà Th.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Nh sinh ngày 08/3/1998 (trưởng thành) và Huỳnh Đại Ph sinh ngày 05/12/2011. Hiện ông đang nuôi các con. Khi ly hôn ông đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: Bà Phan Thị Thanh Th trình bày thống nhất về tình trạng hôn nhân và con chung với ông Huỳnh Ngọc T như ông T vừa nêu. Mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng chỉ cãi vã nhau về việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Cụ thể bà có giữ 600.000.000 đồng cho vay, chơi hụi mong sinh lãi để sinh hoạt gia đình chứ bà không có tiêu xài phung phí. Bà hứa trong 03 tháng nữa hụi mãn bà sẽ gom đủ tiền về cho ông T còn ông T giữ 1.200.000.000 đồng mua xe nhưng không để ông T hay bà cùng đứng tên mà ông T lại đưa xe cho em ông T đứng tên cũng là mâu thuẫn gia đình. Bà xét thấy những mâu thuẫn này bà có thể bỏ qua và vợ chồng còn khả năng khắc phục được vì bà rất thương chồng con, mọi việc làm của bà cũng vì chồng con chứ bà chưa lần nào tiêu xài tiền riêng tư cho bản thân. Bà tha thiết đoàn tụ nuôi dạy con chung không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án có cho ly hôn thì về tài sản bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy ông Huỳnh Ngọc T và bà Phan Thị Thanh Th hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian 01 năm và tự nguyện kết hôn chung sống với nhau vào năm 1997, hai người có đăng ký kết hôn nên Hôn nhân của ông bà là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa ông T và bà Th từ năm 1997 đến tháng 03/2019 rất hạnh phúc chỉ phát sinh mâu thuẫn từ khi hai vợ chồng

bán được phần đất 2.000.000.000 đồng trả nợ chung hết 200.000.000 đồng còn lại ông T giữ 1.200.000.000 đồng mua xe cho em ông T đứng tên còn bà Th giữ 600.000.000 đồng chơi hụi hết. Khi hết tiền vợ chồng mới cãi vã nhau và ông T kiên quyết đòi ly hôn bà Th nhưng bà Th không đồng ý vì mâu thuẫn không trầm trọng còn có thể khắc phục được. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông T chưa đến mức trầm trọng có thể khắc phục được, đời sống chung có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn có thể đạt được. Do đó không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Th.

[3] Về con chung: ông T và bà Th có 02 con chung tên Huỳnh Nh sinh ngày 08/3/1998 (trưởng thành) và Huỳnh Đại Ph sinh ngày 05/12/2011. Do không cho ông T ly hôn với bà Th nên không xem xét về con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Ông T là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: không chấp nhận đơn ly hôn của ông Huỳnh Ngọc T với bà Phan Thị Thanh Th.

2/ Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai số 4340 ngày 27/3/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-UBND xã Hựu Thạnh
-Lưu.